SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ TĨNH
TRƯỜNG TRUNG CẤP HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1544 /QĐ-TrTCHT

Hà Tĩnh, ngày 17 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh học phí đào tạo lái xe ô tô

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG CẤP HÀ TĨNH

Căn cứ Nghị định số 94/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026 của Chính phủ Quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe;

Căn cứ Thông tư số 14/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về đào tạo lái xe, bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 17/2026/TT-BXD ngày 29/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2610/QĐ-UBND ngày 09/11/2006 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc thành lập trường Trung cấp nghề Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 1721/QĐ-UBND ngày 30/06/2026 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc đổi tên, quy định cơ cấu tổ chức của trường Trung cấp nghề Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 1155/QĐ-TrTCHT ngày 15/09/2026 của Hiệu trưởng trường Trung cấp Hà Tĩnh về việc Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của trường Trung cấp Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 1513/QĐ-TrTCN ngày 30/10/2025 của Hiệu trưởng trường Trung cấp nghề Hà Tĩnh về việc Ban hành quy định xây dựng định mức, quy trình mua, quản lý, cấp phát xăng dầu, vật tư-dụng cụ tiêu hao, thu hồi phôi liệu, phế liệu thực hành, thực tập của trường Trung cấp nghề Hà Tĩnh;

Căn cứ Thông báo số 213/TB-TrTCN ngày 25/02/2026 của trường Trung cấp nghề Hà Tĩnh Kết luận Hội nghị giao ban tháng 02/2026;

Căn cứ Quyết định số 1252/QĐ-TrTCHT ngày 29/09/2026 của Hiệu trưởng trường Trung cấp Hà Tĩnh về việc mức thu học phí đào tạo lái xe ô tô. Quyết định số 1515/QĐ-TrTCHT ngày 05/10/2026 của Hiệu trưởng trường Trung cấp Hà Tĩnh về việc điều chỉnh học phí đào tạo lái xe ô tô;

Căn cứ Quyết định số 2477/PLXHT-KD ngày 22/10/2026, Quyết định số 2617/PLXHT-KD ngày 03/11/2026, Quyết định số 2651/PLXHT-KD ngày 05/11/2026, Quyết định số 2716/PLXHT-KD ngày 12/11/2026 của Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Tĩnh về việc giá bán lẻ mặt hàng xăng dầu;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đào tạo và sát hạch lái xe, Trưởng Phòng Hành chính- Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh mức học phí đào tạo lái xe ô tô đối với các khóa đào tạo do điều chỉnh giá xăng, dầu. Danh sách mức học phí điều chỉnh được quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Đối với học viên lưu ban, học phí được thực hiện theo hợp đồng đào tạo, phụ lục hợp đồng (nếu có). Trường hợp phát sinh chi phí do điều chỉnh giá xăng, dầu thì thực hiện điều chỉnh theo quy định của Nhà trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và thay thế Quyết định số 1252/QĐ-TrTCHT ngày 29/09/2026; Quyết định số 1315/QĐ-TrTCHT ngày 05/10/2026 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Hà Tĩnh.

Các Ông (Bà) Phó Hiệu trưởng, Trưởng, Phó các Phòng, Khoa, Trung tâm và học viên có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- Sở GDĐT;
- Sở Xây dựng; } (để b/c)
- Học viên học lái xe ô tô;
- Website Trường;
- Lưu: VT, ĐTSHLX.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÀ TĨNH
TRƯỜNG TRUNG CẤP HÀ TĨNH

Vương Thị Mận

Số: 1544/QĐ-TRTCHT; 17/11/2026; 15:58:19

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ TĨNH
TRƯỜNG TRUNG CẤP HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỊNH MỨC HỌC PHÍ ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TrTCHT, ngày /11/2026 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Hà Tĩnh)

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Hạng đào tạo	Học phí/01 học viên - theo QĐ số 1252 ngày 29/09/2026. theo QĐ số 1315 ngày 05/10/2026	Mức giảm (đồng)	Học phí mới/01 học viên theo Quyết định này
I	**Hạng B - Số tự động**			
1	Khóa 56	19.935.000	465.000	**19.470.000**
2	Khóa 57	19.945.000	565.000	**19.380.000**
3	Khóa 58 - 59	20.740.000	830.000	**19.910.000**
4	Khóa 60 trở đi	20.740.000	845.000	**19.895.000**
II	**Hạng B - Số cơ khí**			
1	Khóa 25	19.990.000	625.000	**19.365.000**
2	Khóa 26	20.845.000	825.000	**20.020.000**
3	Khóa 27 trở đi	20.845.000	845.000	**20.000.000**
III	**Hạng C1**			
1	Khóa 15	23.695.000		**23.695.000**
2	Khóa 16	23.705.000	215.000	**23.490.000**
3	Khóa 17	24.300.000	325.000	**23.975.000**
4	Khóa 18 trở đi	24.300.000	460.000	**23.840.000**
IV	**Đối với các khoá lưu ban**			
1	Khóa 19 - 26B (STĐ)	18.005.000		Căn cứ vào số lượng nhiên liệu chưa cấp và đề nghị từ trung tâm để tính phần thu tăng hoặc giảm giá xăng dầu cho học viên
2	Khóa 27 - 28B (STĐ)	17.920.000		
3	Khóa 29 - 32B (STĐ)	17.875.000		
4	Khóa 33 - 34B (STĐ)	19.560.000		
5	Khóa 35 - 36B (STĐ)	19.835.000		
6	Khóa 37 - 38B (STĐ)	19.530.000		
7	Khóa 39 - 42B (STĐ)	19.505.000		
8	Khóa 43 - 44B (STĐ)	19.405.000		

9	Khóa 45B (STĐ)	19.200.000		Căn cứ vào số lượng nhiên liệu chưa cấp và đề nghị từ trung tâm để tính phần thu tăng hoặc giảm giá xăng dầu cho học viên
10	Khóa 46 - 47B (STĐ)	19.170.000		
11	Khóa 48B (STĐ)	19.335.000		
12	Khóa 49B (STĐ)	19.350.000		
13	Khóa 50B (STĐ)	19.425.000		
14	Khóa 51B - 52B (STĐ)	19.495.000		
15	Khóa 53 - 54B (STĐ)	19.795.000		
16	Khóa 55B (STĐ)	19.935.000		
17	Khóa 06B - 10B (SCK)	18.320.000		
18	Khóa 11B (SCK)	18.200.000		
19	Khóa 12B (SCK)	18.190.000		
20	Khóa 13B (SCK)	19.710.000		
21	Khóa 14B (SCK)	19.870.000		
22	Khóa 15B - 16B (SCK)	19.550.000		
23	Khóa 17B (SCK)	19.320.000		
24	Khóa 18B (SCK)	19.230.000		
25	Khóa 19B (SCK)	19.290.000		
26	Khóa 20B (SCK)	19.395.000		
27	Khóa 21B (SCK)	19.470.000		
28	Khoá 22B (SCK)	19.745.000		
29	Khoá 23B (SCK)	19.710.000		
30	Khoá 24B (SCK)	19.950.000		
31	Khóa 01C1	20.730.000		
32	Khóa 02C1	20.645.000		
33	Khóa 03C1	20.545.000		
34	Khóa 04C1	20.525.000		
35	Khóa 05C1	21.125.000		
36	Khóa 06C1	23.735.000		
37	Khóa 07C1	23.925.000		
38	Khóa 08C1	23.600.000		
39	Khóa 09C1	23.335.000		
40	Khóa 10C1	22.985.000		

41	Khóa 11C1	22.850.000		
42	Khóa 12C1	23.165.000		
43	Khóa 13C1	23.445.000		
44	Khóa 14C1	23.565.000		

Lưu ý:

1. Đối với học viên các khóa lưu ban đã đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp các khóa trước đó nhưng vắng thi hoặc thi trượt thì được giữ nguyên mức học phí đến thời điểm dự thi.

2. Đối với học viên lưu ban các khoá thì căn cứ vào số lượng xăng, dầu chưa cấp và giá nhiên liệu theo quyết định tại thời điểm cấp để tính phần thu tăng hoặc giảm giá xăng dầu cho học viên.